

Đôi sánh kết quả đánh giá các chương trình đạt chuẩn AUN của Việt Nam giai đoạn 2009-2013

VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM

Bài viết này nhằm tổng hợp, phân tích, đôi sánh kết quả đánh giá các chương trình đạt chuẩn AUN của VN trong giai đoạn 2009-2013 và đưa ra những nhận định về những điểm mạnh, điểm yếu chung của hệ thống, xác định những thực tiễn tốt từ các đơn vị, và rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp các trường nâng cao chất lượng đào tạo của chính mình. Tất cả sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng và vị thế giáo dục đại học VN nói chung.

Từ khóa: *Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (ASEAN University Network - AUN), chất lượng đào tạo, giáo dục đại học VN.*

1. Đặt vấn đề

Trước xu thế hội nhập và cạnh tranh của giáo dục đại học VN, ngày càng có nhiều trường theo đuổi việc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng của khu vực và thế giới cho các chương trình đào tạo của mình. Trong các bộ tiêu chuẩn chất lượng đang được thử nghiệm áp dụng tại VN, bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo của AUN (tên viết tắt của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á) đang được nhiều trường tại VN quan tâm vì tính khả thi cao. Tính đến thời điểm hiện nay, đã có trên dưới 20 chương trình đào tạo của VN được đánh giá chính thức và công nhận đạt chuẩn.

Kết quả của các đợt đánh giá không chỉ giúp xác định mức độ đạt tiêu chuẩn chất lượng của chính

các chương trình được đánh giá, mà còn là một nguồn thông tin vô cùng quý giá cần được chia sẻ rộng rãi trong hệ thống. Bài viết này nhằm tổng hợp, phân tích, đôi sánh kết quả đánh giá các chương trình đạt chuẩn AUN của VN trong giai đoạn 2009-2013 và đưa ra những nhận định về những điểm mạnh, điểm yếu chung của hệ thống, xác định những thực tiễn tốt từ các đơn vị, và rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp các trường nâng cao chất lượng đào tạo của chính mình. Tất cả sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng và vị thế giáo dục đại học VN nói chung.

2. VN và quá trình tham gia đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn AUN

2.1. Sơ lược về AUN

Mạng lưới các trường đại

học Đông Nam Á (tiếng Anh là ASEAN University Network, viết tắt là AUN) là một hiệp hội đại học ra đời năm 1995 do sáng kiến của Bộ trưởng giáo dục các nước Đông Nam Á nhằm thúc đẩy việc đào tạo và phát triển nhân lực trong khu vực thông qua sự gắn kết giữa các trường đại học hàng đầu của các nước thành viên.

Thoạt đầu, AUN chỉ bao gồm 11 trường đại học hàng đầu của 6 nước được xem là mạnh hơn trong khu vực (không có các trường của 4 nước: Campuchia, Lào, Myanmar và VN). Sau đó, các quốc gia khác trong khu vực cũng được mời tham gia vào mạng lưới. VN chính thức gia nhập vào mạng lưới này vào năm 1999 với hai thành viên là hai đại học quốc gia; đây là những thành viên đương nhiên do bộ trưởng Bộ

Bảng 1: Danh sách các chương trình đào tạo của VN đã được AUN đánh giá chính thức (tính đến cuối năm 2013)

STT	Tên chương trình	Thời gian đánh giá
1	Công nghệ thông tin, ĐHQG Hà Nội	Đợt 6, Tháng 12/2009
2	Công nghệ thông tin, ĐH Tự nhiên, ĐHQG-HCM	Đợt 7, Tháng 12/2009
3	Khoa học máy tính, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	Đợt 7, Tháng 12/2009
4	Điện – Điện tử, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	Đợt 7, Tháng 12/2009
5	Kinh tế quốc tế, ĐHQG Hà Nội	Đợt 10, Tháng 12/2010
6	Công nghệ sinh học, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	Đợt 13, Tháng 12/2011
7	Cơ khí chế tạo, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	Đợt 13, Tháng 12/2011
8	VN học, ĐH KHXH-NV, ĐHQG-HCM	Đợt 13, Tháng 12/2011
9 ³	Ngôn ngữ Anh (chương trình tài năng), ĐHQG Hà Nội	Đợt 14, Năm 2012
10 ⁴	Hóa học, ĐHQG Hà Nội	Đợt 14, Năm 2012
11	Quản trị kinh doanh, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	Đợt 16, Tháng 12/2012
12	Toán, ĐHQG Hà Nội	Đợt 18, Tháng 5/2013
13	Sinh học, ĐHQG Hà Nội	Đợt 18, Tháng 5/2013
14	Ngữ văn Anh, ĐH KHXH-NV, ĐHQG-HCM	Đợt 19, Tháng 9/2013
15	Kỹ thuật hóa học, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	Đợt 19, Tháng 9/2013
16	Kỹ thuật xây dựng, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	Đợt 19, Tháng 9/2013
17	Ngôn ngữ Anh, ĐHQG Hà Nội	Đợt 24, Tháng 12/2013
18	Ngôn ngữ học, ĐHQG Hà Nội	Đợt 24, Tháng 12/2013

Giáo dục của VN chỉ định để tham gia AUN.

Ngay từ khi ra đời, AUN đã đặt nặng công tác đảm bảo chất lượng vì đây là cơ sở tạo sự tin cậy giữa các trường thành viên đến từ các nước có điều kiện kinh tế xã hội rất khác nhau. Chỉ 3 năm sau khi xuất hiện, vào năm 1998 AUN đã thành lập một “mạng lưới con” gọi là AUN-QA, tức Mạng lưới đảm bảo chất lượng AUN. AUN-QA bao gồm các nhân sự phụ trách đảm bảo chất lượng của các trường thành viên do lãnh đạo các trường chỉ định làm đầu mối điều phối các hoạt động nhằm tạo sự đồng bộ về chất lượng giữa các trường và liên tục cải tiến¹. Việc thường xuyên đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của các trường

thành viên là hoạt động cốt lõi nhằm tạo ra sự đồng bộ và liên tục cải tiến nói trên.

Đến năm 2013, VN có thêm một thành viên là Đại học Cần Thơ, được kết nạp sau khi có chương trình được đánh giá đạt chuẩn – là yêu cầu đặt ra cho các thành viên được kết nạp sau năm 2007 là thời điểm AUN-QA thực hiện đợt đánh giá chính thức đầu tiên. Như vậy, tính đến cuối năm 2013, VN có tổng cộng 3 trường là thành viên của AUN.

2.2. Hoạt động đánh giá chất lượng của AUN-QA

Như đã nêu ở trên, AUN-QA là Mạng lưới đảm bảo chất lượng của AUN, ra đời năm 1998. Trong thời gian gần 10 năm đầu sau khi thành lập, AUN-QA tập trung thiết kế mô hình và xây dựng các bộ tiêu chuẩn chất lượng, phát triển quy trình và công cụ đánh giá, và đào tạo tập huấn chuẩn bị nhân sự để có thể

đưa hoạt động đánh giá chất lượng thường xuyên vào chính thức.

Đợt đánh giá chính thức đầu tiên của AUN-QA là vào năm 2007 với trường đại học Malaya (UM) của Malaysia. VN chính thức tham gia đánh giá lần đầu tiên vào cuối năm 2009 với 4 chương trình (1 chương trình của ĐHQG Hà Nội, 3 chương trình của ĐHQG-HCM). Theo thông tin chính thức từ trang web của AUN, tính đến cuối năm 2013, AUN-QA đã tổ chức được 24 đợt đánh giá với tổng cộng 58 chương trình. VN có 18/58 chương trình được AUN đánh giá chính thức (8 chương trình của ĐHQG Hà Nội, 10 chương trình của ĐHQG-HCM)², chiếm 31% tổng

² aunsec.org/programmelevel.php

³ Hai chương trình 9 và 10 bị bỏ sót trong danh sách các chương trình đã được AUN đánh giá trên trang web của AUN. Bổ sung theo thông tin từ báo cáo của Johnson Ong Chee Bin, công bố tại Hội thảo “Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học”, ĐHQG-HCM T11/2014.

⁴ Xem ghi chú 3 bên trên.

Bảng 2: Kết quả tổng quát của 12 chương trình đạt chuẩn (thuộc ĐHQG-HCM và ĐH Cần Thơ) giai đoạn 2009-2013

STT	Tên chương trình	Năm đánh giá	Kết quả
1	Công nghệ thông tin, ĐH Tự nhiên, ĐHQG-HCM	2009	4.9
2	Khoa học máy tính, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	2009	4.6
3	Điện – Điện tử, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	2009	4.1
Trung bình chung năm 2009: 4.5			
4	Công nghệ sinh học, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	2011	4.7
5	Cơ khí chế tạo, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	2011	4.2
6	VN học, ĐH KHXH-NV, ĐHQG-HCM	2011	4.3
Trung bình chung năm 2011: 4.4			
7	Quản trị kinh doanh, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	2012	4.8
Trung bình chung năm 2012: 4.8			
8	Ngữ văn Anh, ĐH KHXH-NV, ĐHQG-HCM	2013	4.7
9	Kỹ thuật hóa học, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	2013	4.4
10	Kỹ thuật xây dựng, ĐH Bách khoa, ĐHQG-HCM	2013	4.5
11 ⁵	Điện tử - Viễn thông, ĐH Quốc tế, ĐHQG-HCM	2013	4.7
12	Kinh tế nông nghiệp, ĐH Cần Thơ	2013	4.0
Trung bình chung năm 2013: 4.5 (4.6 nếu không tính ĐH Cần Thơ)			
Trung bình chung giai đoạn 2009-2013: 4.6			

số chương trình được đánh giá. Điều này cho thấy VN đánh giá rất cao ý nghĩa của việc tham gia đánh giá theo tiêu chuẩn AUN.

Bảng 1 là danh sách các chương trình của VN đã được AUN đánh giá chính thức tính đến năm 2013.

3. Phân tích đối sánh kết quả đánh giá các chương trình đạt chuẩn AUN

3.1. Kết quả tổng quát của một số chương trình của VN đạt chuẩn AUN giai đoạn 2009-2013

Theo những thông tin do báo chí đăng tải sau các đợt đánh giá, tất cả 18 chương trình được nêu trong Bảng 1 đều đạt chuẩn AUN, tức đạt tối thiểu 4 điểm trở lên trên thang 7. Tuy nhiên, mức độ

công bố thông tin về các chương trình đạt chuẩn của các trường là khác nhau; có nơi chỉ thông báo tên chương trình đạt chuẩn nhưng không nêu mức điểm đạt, nơi khác chỉ thông báo điểm tổng quát của những chương trình đạt chuẩn mà không công bố điểm của từng tiêu chuẩn/tiêu chí, và có nơi vừa thông báo tên chương trình đạt chuẩn vừa công bố toàn bộ báo cáo tự đánh giá của chương trình đã đạt chuẩn lên Internet.

Trong điều kiện và khả năng của mình cùng sự sẵn sàng chia sẻ của các trường, tác giả đã thu thập được thông tin về kết quả tổng quát của 12 chương trình đạt chuẩn AUN của ĐHQG-HCM và ĐH Cần Thơ trong giai đoạn 2009-2013. Các kết quả 12 chương trình ấy được trình bày trong Bảng 2. Tất cả điểm số đã được làm tròn đến 1 số lẻ, và đó cũng là cách ghi điểm đã được thống nhất của AUN.

Xem xét kết quả của một số chương trình đạt chuẩn trong giai đoạn 2009-2013, có thể đưa ra một số nhận định như sau:

- Mức điểm trung bình của tất cả 12 chương trình đạt 4.6, với mức thấp nhất là 4.0 và cao nhất là 4.9. Mức điểm này được giữ tương đối ổn định trong suốt 5 năm. Điều này cho thấy các chương trình của VN đã tham gia đánh giá theo AUN nhìn chung là ổn, cho phép các trường tạm yên tâm về chất lượng đào tạo.

- Mặt khác, suốt thời gian 5 năm tham gia với 12 chương trình thuộc 5 trường đại học khác nhau (4 trường thành viên của ĐHQG-HCM và 1 trường đại học trọng điểm cấp khu vực là ĐH Cần Thơ) nhưng vẫn chưa có chương trình nào vượt quá mốc 5 điểm. Điều này cho thấy chất lượng giáo dục đại học của VN vẫn chỉ chưa vượt qua mức trung bình và còn cần tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa.

⁵ Chương trình Điện tử - Viễn thông của ĐH Quốc tế và Kinh tế nông nghiệp của ĐH Cần Thơ được AUN đánh giá trong khuôn khổ của dự án AUN-DAAD nên không được nêu trên trang web của AUN.

- Không kể những trường chỉ mới có một chương trình đạt chuẩn và vì vậy không thể đối sánh (ví dụ ĐH Cần Thơ), có thể thấy trong cùng một trường các chương trình đánh giá sau thường có điểm đánh giá cao hơn các chương trình đánh giá trước đó. ĐH Bách Khoa với 4 chương trình có kết quả tăng dần đều sau 5 năm tham gia đánh giá: 4.1 (năm 2009), 4.2 (năm 2011), 4.4 và 4.5 (năm 2013). ĐH Quốc tế có 3 chương trình đạt chuẩn với kết quả là 4.6 (năm 2009), 4.7 (năm 2011) và 4.8 (năm 2012). ĐH KHXH-NV có 2 chương trình đạt chuẩn với kết quả là 4.3 (năm 2011) và 4.7 (năm 2013). Điều này cho thấy việc tham gia đánh giá theo AUN đã thực sự giúp các trường nhìn ra những điểm mạnh cũng như những điểm cần cải thiện; vì vậy đã có tác động tích cực đến chất lượng đào tạo của các trường.

- Cuối cùng, kết quả của 11/12 chương trình nói trên (chương trình của ĐH Cần Thơ không thể đưa vào so sánh vì không cùng hệ thống) cho thấy những chương trình thuộc khối ngành kỹ thuật có khuynh hướng đạt điểm hơi thấp hơn những chương trình thuộc các khối ngành còn lại. Mặc dù chưa thể khẳng định vì số liệu còn ít, nhưng kết quả này cũng gợi ý cho ta về một giả thiết rằng kết quả thấp là do khối ngành kỹ thuật thường đòi hỏi cao hơn về mức độ đầu tư cho cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ đào tạo, mức độ cập nhật của chương trình, tài liệu giảng dạy, năng lực của giảng viên và kỹ thuật viên

3.2. *Đối sánh kết quả của các chương trình đạt chuẩn giai đoạn 2009-2013 của VN theo từng tiêu chuẩn*

Phân phân tích ở trên đã cho chúng ta biết về mức độ chất lượng tổng quát của 12 chương trình đạt chuẩn AUN của VN và một số nhận định mang tính so sánh giữa các trường và các chương trình được đánh giá trong khoảng thời gian 5 năm (2009-2013). Dưới đây chúng ta sẽ đối sánh kết quả chung của giai đoạn 2009-2013 theo từng tiêu chuẩn giữa VN với AUN.

Các số liệu được sử dụng trong Bảng 3 được rút ra từ báo cáo của tác giả Johnson Ong Chee Bin, một CQO⁶ của AUN, đã công bố tại Hội thảo “Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học” tổ chức tại ĐHQG-HCM trong tháng 11/2014 vừa qua. Để hiểu được số liệu trong các bảng này, cần phải hiểu sơ lược về bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo của AUN, được mô tả sơ lược trong đoạn dưới đây.

Bộ tiêu chuẩn chất lượng của AUN gồm 15 tiêu chuẩn và có thể phân thành 3 nhóm:

- Nhóm 1, gồm từ TC 1 đến TC 5, liên quan đến việc thiết kế và vận hành chương trình đào tạo, từ xây dựng kết quả đầu ra dự kiến (ở VN thường gọi là “chuẩn đầu ra”), đặc tả chương trình, cấu trúc và nội dung chương trình, chiến lược dạy và học, và đánh giá sinh viên;

- Nhóm 2, gồm từ TC 6 đến TC 10, liên quan đến các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo, từ chất lượng giảng

viên, sinh viên, đội ngũ hỗ trợ, hoạt động tư vấn và hỗ trợ sinh viên, và cơ sở vật chất và thiết bị; và

- Nhóm 3, gồm 5 tiêu chuẩn cuối cùng, liên quan đến các hoạt động đảm bảo chất lượng và thông tin về hiệu quả của chương trình, từ đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học, phát triển đội ngũ, hệ thống phản hồi từ các bên liên quan, hiệu suất đầu ra, và sự hài lòng của các bên liên quan.

Phân phân tích dưới đây sẽ so sánh theo từng nhóm tiêu chuẩn, và trong mỗi nhóm sẽ tiếp tục phân tích từng tiêu chuẩn khi cần thiết.

Kết quả trong Bảng 3 cho phép ta đưa ra một số nhận định như sau:

- Nhìn chung, chất lượng các chương trình đạt chuẩn của VN không có sự chênh lệch nào so với kết quả bình quân của tất cả các trường thành viên của AUN trong cùng một thời gian (TBC tổng quát của cả hai là 4.6). Đây là một kết quả đáng khích lệ, khẳng định các chương trình đạt chuẩn AUN của VN không thua kém chương trình của các trường thành viên khác trong cùng thời gian đánh giá.

- Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong số 30 trường thành viên của AUN chỉ có 8 trường tham gia đánh giá (tính cả 2 ĐHQG của VN), trong đó không có trường nào trong top 100 của khu vực. Trong số 5 trường thành viên AUN lọt vào top 100 của bảng xếp hạng châu Á năm 2014 có trường University of Malaya (viết tắt là UM) của Malaysia đã từng tham gia đánh giá với AUN. Tuy nhiên, UM chỉ tham gia một lần

⁶ CQO là từ viết tắt của cụm từ Chief Quality Officer, tức nhân sự phụ trách đảm bảo chất lượng của các trường thành viên của AUN, do chính các trường chỉ định.

Bảng 3: Kết quả tổng quát toàn giai đoạn 2009-2013 của AUN và VN theo từng tiêu chuẩn

STT	Tiêu chuẩn	VN	AUN	Chênh lệch VN-AUN
1	TC1: Kết quả đầu ra dự kiến (expected learning outcomes)	4.5	4.7	-0.2
2	TC2: Đặc tả chương trình (program specification)	4.3	4.5	-0.2
3	TC3: Cấu trúc và nội dung chương trình (program structure and content)	4.6	4.7	-0.1
4	TC4: Chiến lược dạy và học (teaching and learning strategy)	4.7	4.7	0
5	TC5: Đánh giá sinh viên (student assessment)	4.7	4.6	+0.1
TBC (TC1-TC5)		4.6	4.7	-0.1
6	TC6: Chất lượng giảng viên (academic staff quality)	4.6	4.8	-0.2
7	TC7: Chất lượng đội ngũ hỗ trợ (support staff quality)	4.3	4.3	0
8	TC8: Chất lượng sinh viên (student quality)	5.0	4.9	+0.1
9	TC9: Tư vấn và hỗ trợ sinh viên (student advice and support)	4.5	4.7	-0.2
10	TC10: Thiết bị và cơ sở vật chất (facilities and infrastructure)	4.2	4.3	-0.1
TBC (TC6-TC10)		4.5	4.6	-0.1
11	TC11: ĐBCL quá trình dạy và học (QA of teaching and learning process)	4.5	4.5	0
12	TC12: Hoạt động phát triển đội ngũ (staff development activities)	4.4	4.3	+0.1
13	TC13: Hệ thống phản hồi từ các bên liên quan (stakeholders feedback)	4.4	4.2	+0.2
14	TC14: Hiệu suất đầu ra (output)	4.7	4.9	-0.2
15	TC15: Sự hài lòng của các bên liên quan (stakeholders satisfaction)	5.1	4.8	+0.3
TBC (TC11-TC15)		4.6	4.5	+0.1
Điểm tổng quát		4.6	4.6	0
Tổng số chương trình		18	59	N/A

ngay vào đợt đánh giá đầu tiên năm 2007, rồi từ đó đến nay hoàn toàn không tham gia nữa⁷. Nói cách khác, kết quả đánh giá giai đoạn 2009-2013 cho thấy chất lượng đào tạo của những trường danh tiếng nhất của VN cũng chỉ tương đương với một số trường thuộc hạng khá của Philippines và Indonesia. Điều này nhắc ta giáo dục đại học của VN vẫn còn rất nhiều điều phải làm để có thể cạnh tranh được với khu vực.

- Trong 3 nhóm tiêu chuẩn của AUN, VN có kết quả tốt hơn ở nhóm 3 (các hoạt động ĐBCL và thông tin về hiệu quả của chương

trình), nhưng lại kém hơn ở cả hai nhóm tiêu chuẩn còn lại. Vì vậy, trong thời gian tới VN cần chú trọng đây mạnh: (1) Cải thiện năng lực thiết kế và vận hành các chương trình đào tạo của giảng viên; và (2) Nâng cao các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của VN, đặc biệt là đầu tư vào cơ sở vật chất và trang thiết bị cho khối ngành kỹ thuật để có thể cạnh tranh với các trường trong khu vực⁸.

- Khi xét từng tiêu chuẩn, có thể thấy các chương trình của VN được đánh giá tốt hơn trung bình chung của AUN ở các khía

cạnh sau: Đánh giá sinh viên (TC 5, cao hơn TBC của AUN là 0.1); Chất lượng đầu vào của sinh viên (TC 8, cao hơn TBC của AUN là 0.1); Hoạt động phát triển đội ngũ (TC 12, cao hơn TBC của AUN là 0.1); Phản hồi của các bên liên quan (TC 13, cao hơn TBC của AUN là 0.2); và cuối cùng là Sự hài lòng của các bên liên quan (TC 15, cao hơn TBC của AUN là 0.3). Tuy nhiên, trong 5 tiêu chuẩn này, chỉ có 2 tiêu chuẩn có điểm cao hơn mức 4.5 (sẽ bàn thêm ở phần sau); 3 tiêu chuẩn còn lại (TC 5: Đánh giá SV; TC 12: Hoạt động phát triển đội ngũ; TC 13: Hệ thống phản hồi từ các bên liên quan) đều có điểm đánh giá dưới mức trung bình chung là 4.6. Nói cách khác, mặc dù kết quả có cao hơn

⁷ <http://www.topuniversities.com/university-rankings/asian-university-rankings/2014#sorti ng=rank+region=+country=+faculty=+stars =false+search=>

⁸ Các khuyến nghị cụ thể cho từng tiêu chuẩn có thể tham khảo bài viết của Johnson Ong Chee Bin đã dẫn ở trên.



TBC của AUN nhưng các tiêu chuẩn này vẫn cần được chú trọng cải thiện hơn nữa.

- Hai tiêu chuẩn còn lại (TC 8: Chất lượng sinh viên; TC 15: Sự hài lòng của các bên liên quan) có kết quả tốt nhất trong toàn bộ 15 tiêu chuẩn; cả hai đều đạt điểm từ 5 trở lên. Điều này có thể được lý giải bằng việc các trường thành viên AUN của VN là những trường tốt nhất của cả nước (trong 18 chương trình đạt chuẩn của VN chỉ có 1 chương trình của ĐH Cần Thơ, còn lại là của hai đại học quốc gia). Ở các trường này, tính cạnh tranh rất cao nên chất lượng sinh viên được tuyển vào rất tốt (TC 8, điểm đánh giá cao hơn mức TBC của AUN là 0.1), và điều này rất có thể đã tạo ra uy tín của trường và làm cho các bên có liên quan hài lòng về chương trình (TC 15, điểm đánh giá cao hơn mức TBC của AUN là 0.3, cao nhất trong các tiêu chuẩn được đánh giá). Nói cách khác, có thể giả định rằng những kết quả tốt mà các chương trình đào tạo của VN đã đạt được phần lớn nhờ vào tố chất và nỗ lực cá nhân của sinh

viên, trong khi dấu ấn của cơ sở đào tạo vẫn chưa thực sự rõ nét.

4. Kết luận

Việc xem xét kết quả đánh giá 18 chương trình đạt chuẩn của VN và đối sánh chúng với trung bình chung của AUN giúp khẳng định rằng Bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo của AUN là hoàn toàn phù hợp và khả thi đối với giáo dục đại học của VN. Nó cũng cho thấy việc tham gia đánh giá theo tiêu chuẩn AUN đã thực sự có tác dụng thúc đẩy chất lượng đào tạo của các trường thành viên, khi kết quả đánh giá của các trường được liên tục nâng lên. Ngoài ra, thông qua việc đối sánh kết quả của VN với các trường thành viên AUN, cũng có thể yên tâm rằng giáo dục đại học của VN hoàn toàn có đủ sức để cạnh tranh với các nước trong khu vực nếu được quan tâm đầu tư hơn nữa, và ít nhất hiện nay giáo dục đại học của VN cũng có thể xem là tương đương với là các nước có trình độ phát triển ngang với VN như Indonesia và Philippines.

Tuy nhiên, bên cạnh những thông tin mang tính khích lệ như trên, kết quả đánh giá các chương

trình đạt chuẩn của VN cũng chỉ ra nhiều điều mà chúng ta cần cải thiện để có thể có được vị thế tốt hơn trong một thế giới hội nhập và đầy cạnh tranh như hiện nay. Việc áp dụng tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo của AUN là cơ hội để các trường có thể nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu của mình để xây dựng kế hoạch cải tiến liên tục. Đặc biệt, trong thời gian tới, lãnh đạo các cơ sở giáo dục đại học của VN cần chú trọng nâng cao năng lực thiết kế và vận hành chương trình đào tạo của các giảng viên, và tiếp tục đầu tư để nâng cao các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của VN. Có như vậy thì giáo dục đại học VN mới có thể nâng cao vị thế của mình trong khu vực, và hoàn thành được nhiệm vụ đào tạo nhân lực trình độ cao trước viễn cảnh của một Cộng đồng Kinh tế ASEAN sắp bắt đầu vào cuối năm 2015 sắp đến●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- AUN (2013), *Guidelines for AUN quality assessment and assessors & Framework of AUN-QA strategic plan 2012-2015*, Bangkok: Chulalongkorn University.
- Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (2014), *Kỷ yếu Hội thảo “Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học”*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- Ong Chee Bin, J. (2014). “Analysis of AUN-QA assessments at programme level in Vietnam and recommendations for improvements”. Trong *Kỷ yếu Hội thảo “Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học”*, tổ chức tại ĐHQG-HCM ngày 13/11/2014.
- QS (2014), *Kết quả xếp hạng các trường đại học Châu Á năm 2014*, Truy cập ngày 1/12/2014 tại địa chỉ: [http://www.topuniversities.com/university-rankings/asian-university-rankings/2014#sorting=rank+region="+country="+faculty="+stars=false+search=](http://www.topuniversities.com/university-rankings/asian-university-rankings/2014#sorting=rank+region=)